CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC

Ngày 30/06/2025	4,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,000 - 4,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	120
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	-
EPS	988
P/E	4.1

DT thuần
Q2/25
612
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 462| 308%
YoY: ▼55.0| -8.2%

LN thuần
Q2/25
17.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.5| 379%
YoY: ▲ 1.40| 9.1%

LN sau thuế
Q2/25
14.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.1| 308%
YoY: ▲ 1.60| 11.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
2.9%
YoY: +/-▼ 0.4%

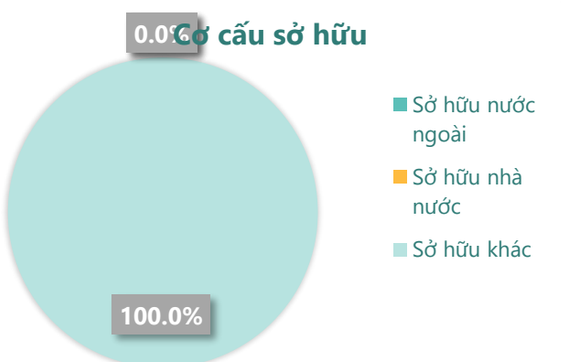
ROE (TTM)
Q2/25
16.5%
YoY: +/-▼ 0.5%

DT thuần
6T 2025
763
tỷ VNĐ
YoY: ▼106| -12.2%

LN thuần
6T 2025
20.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.10| -0.6%

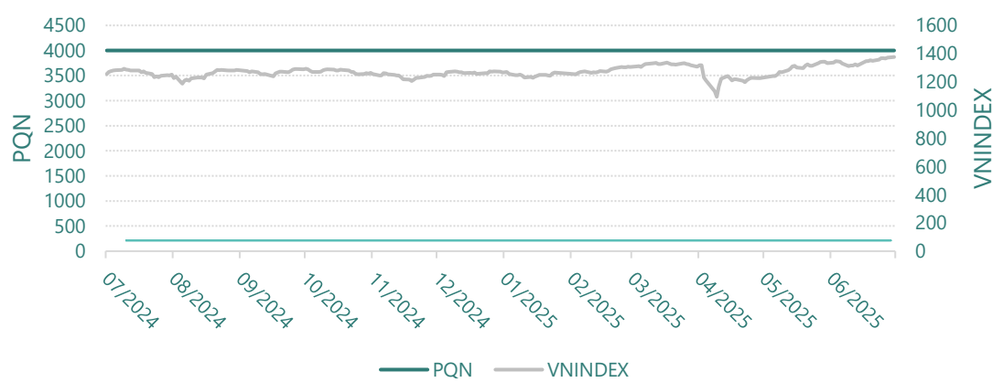
LN sau thuế
6T 2025
18.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.80| 4.9%

Cơ cấu sở hữu

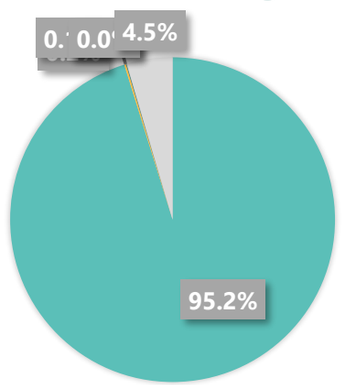


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

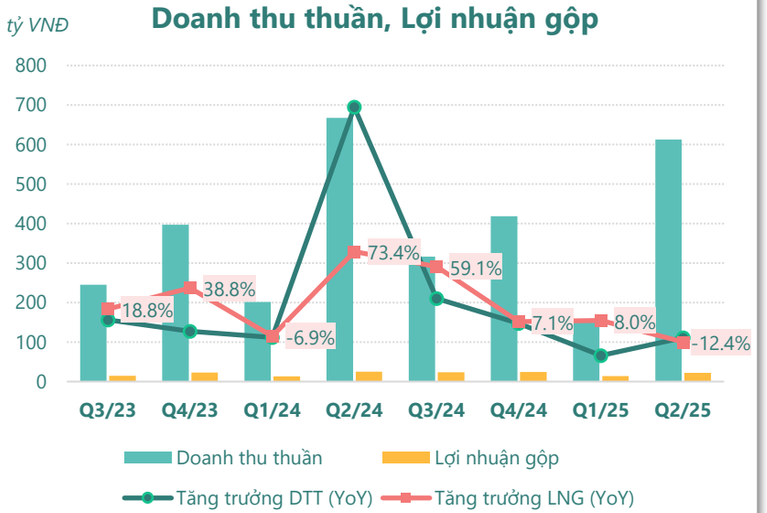


- Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
- Dương Hùng Văn
- Phạm Văn Hùng (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Trần Toàn
- Lê Hồng Phong (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

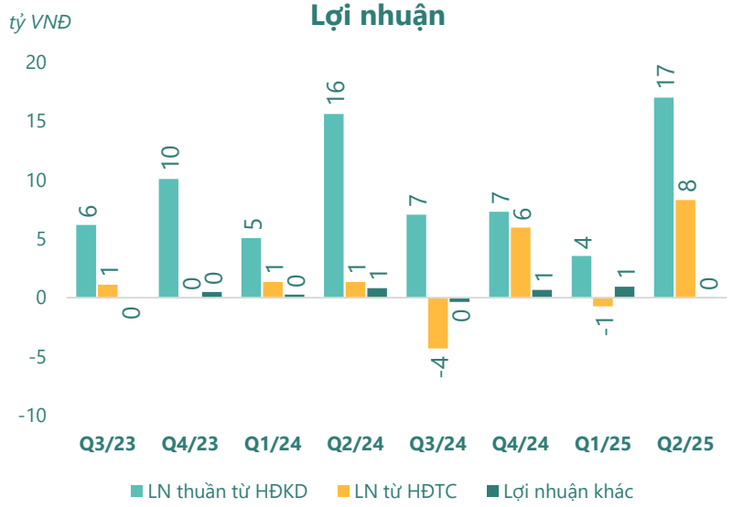
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



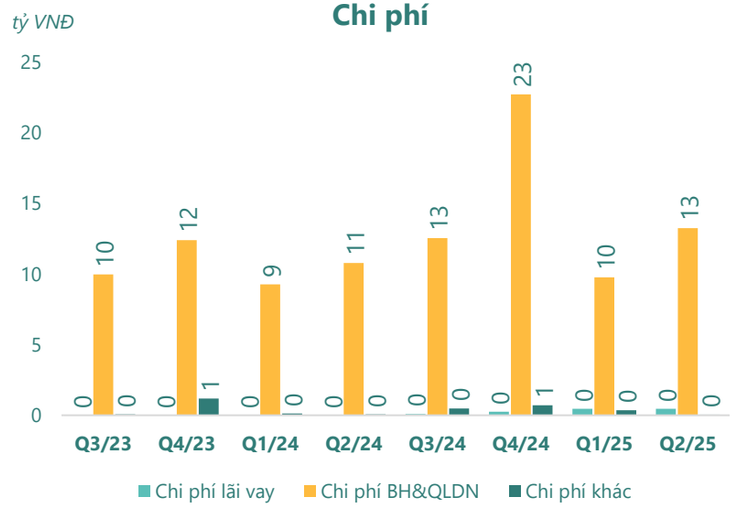
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



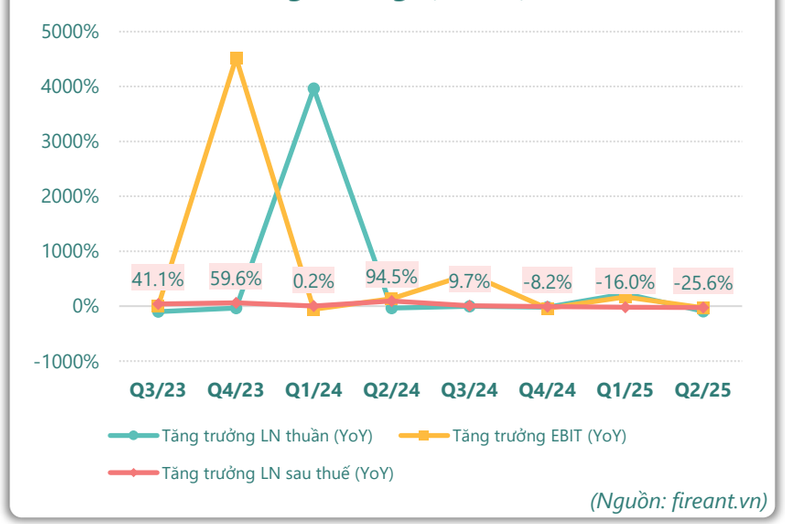
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



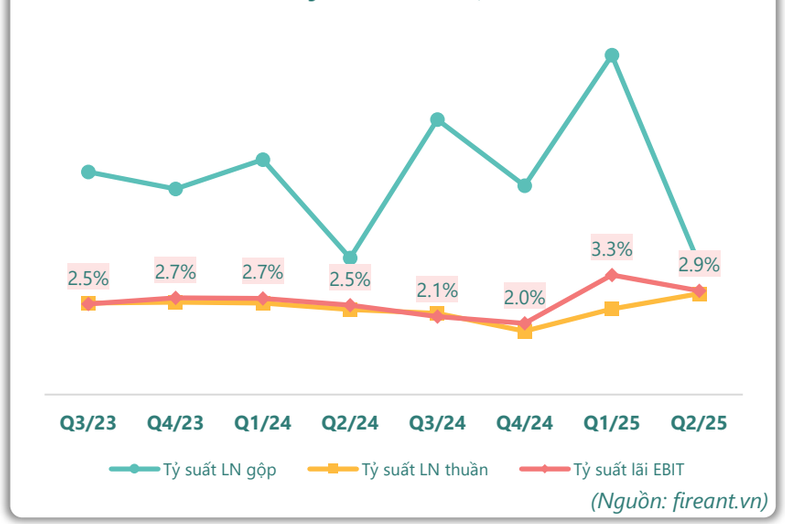
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



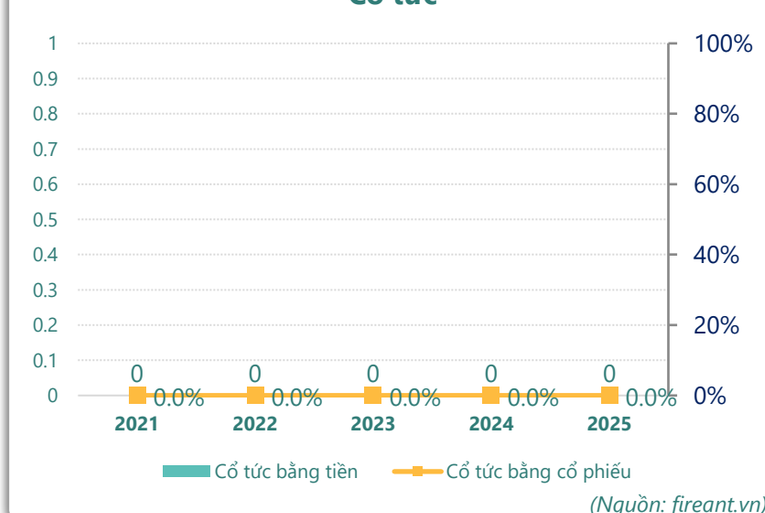
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

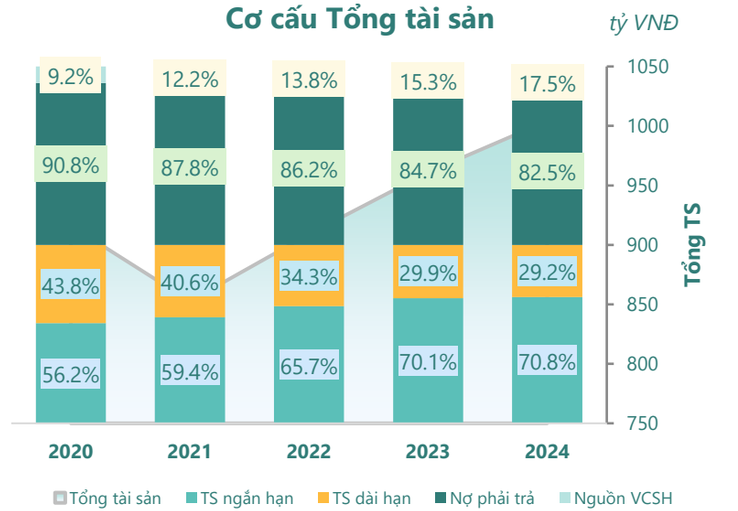
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

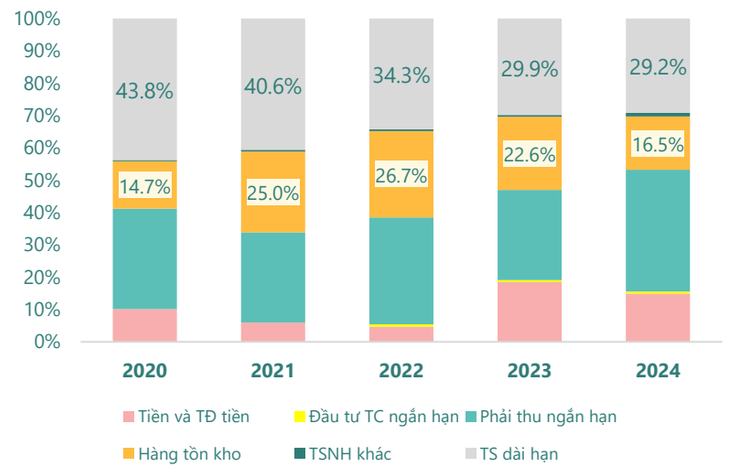
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



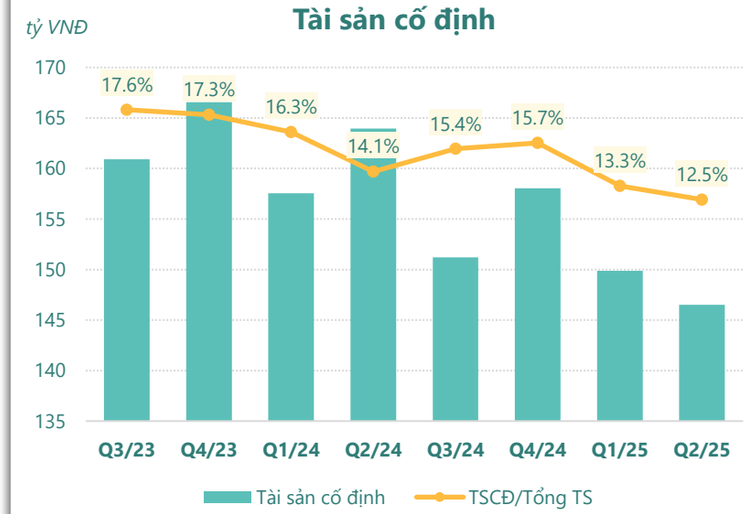
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



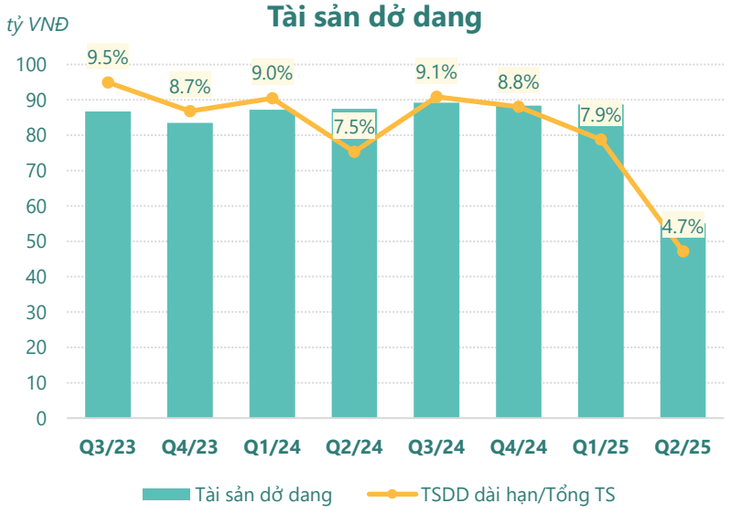
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



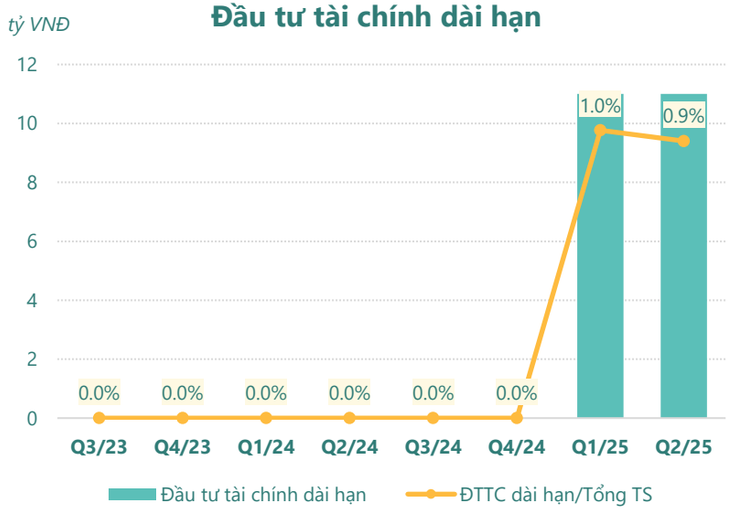
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



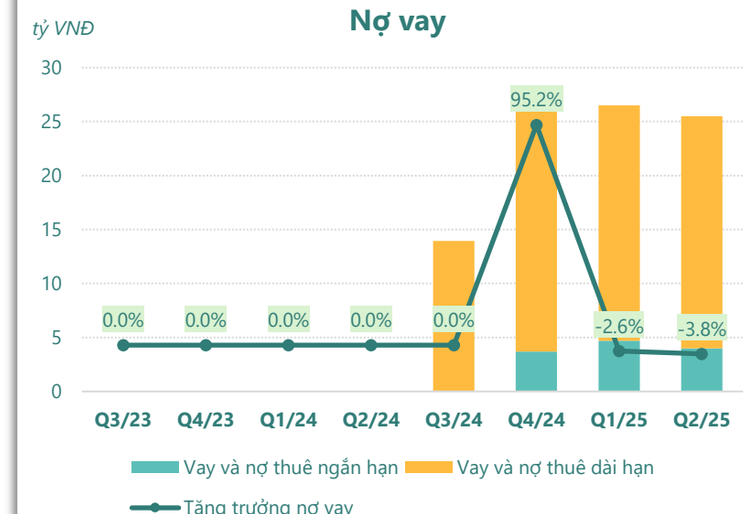
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

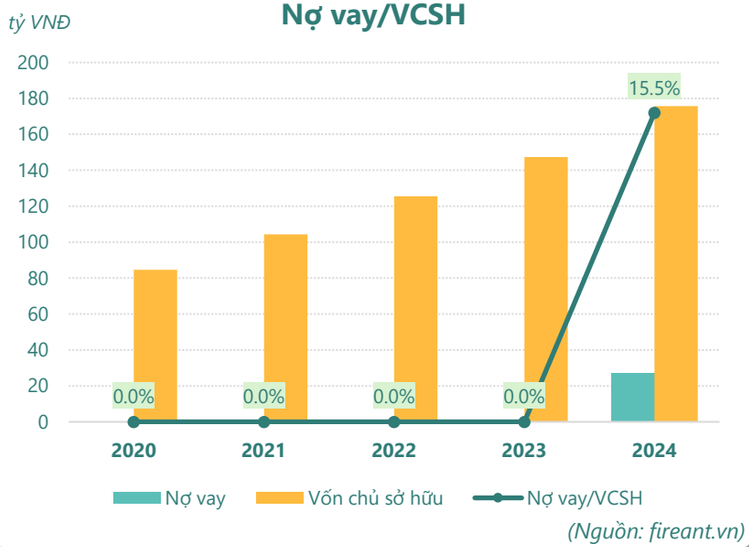
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

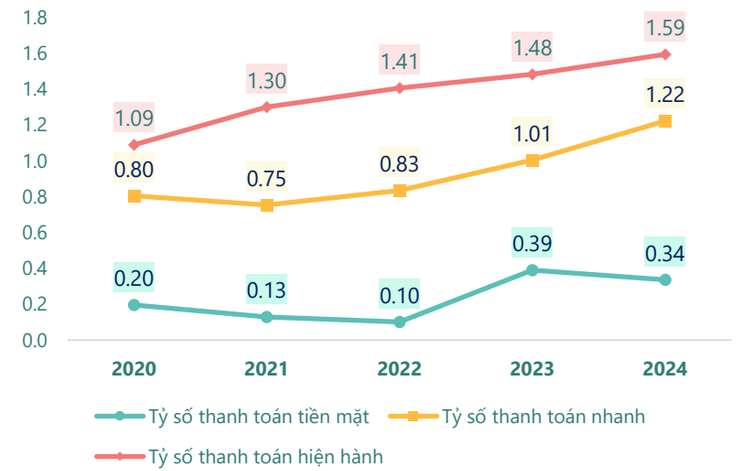
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



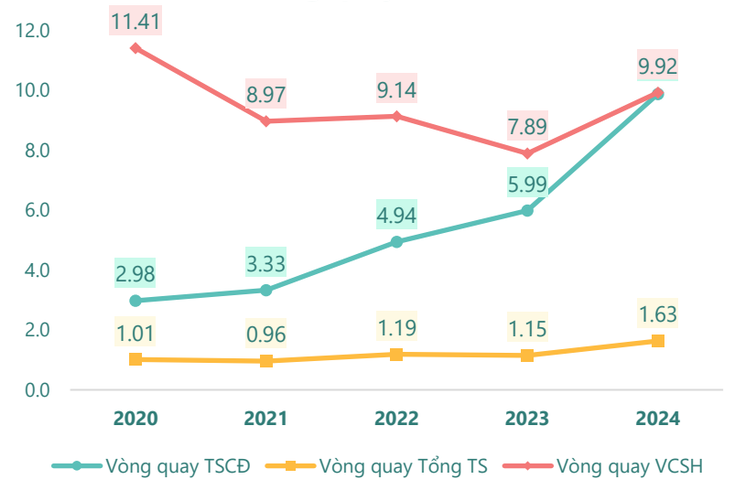
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



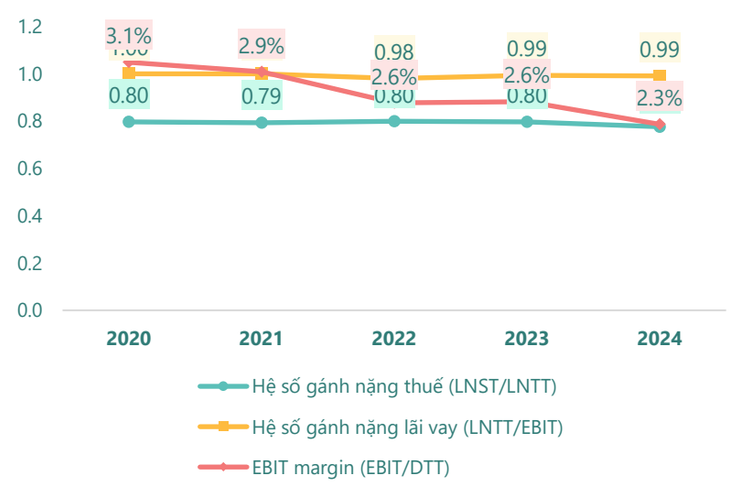
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



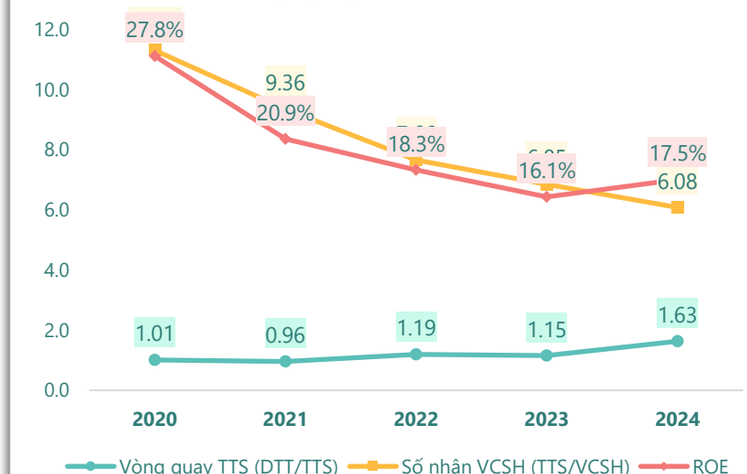
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



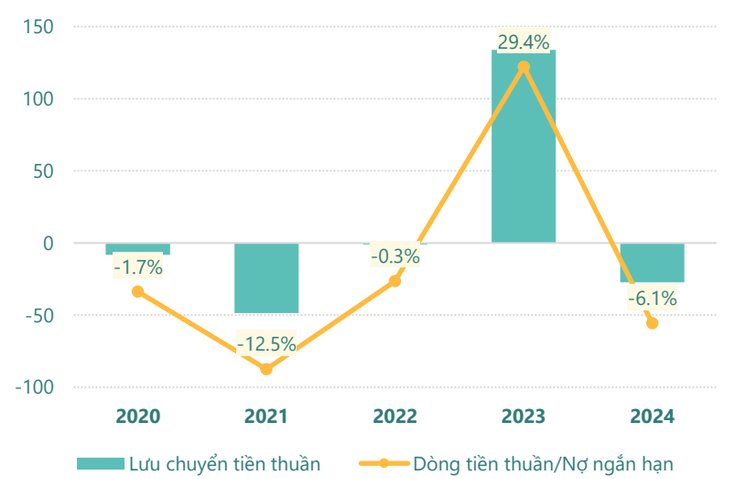
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**612**	**667**	**-8.2%**	**763**	**869**	**-12.2%**
Giá vốn hàng bán	590	642	-8.0%	727	830	-12.5%
Lợi nhuận gộp	22.0	25.1	-12.5%	36.0	38.1	-5.4%
Doanh thu HĐTC	6.95	2.48	180%	8.51	3.93	117%
Chi phí TC	-1.36	1.16	-217%	0.94	1.27	-25.9%
Chi phí lãi vay	0.46	0.00		0.93	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**13.3**	**10.8**	**22.8%**	**23.0**	**20.1**	**14.8%**
LN thuần từ HĐKD	17.0	15.6	9.1%	20.6	20.7	-0.6%
Lợi nhuận khác	**0.03**	**0.81**	**-96.4%**	**0.97**	**1.07**	**-10.0%**
LN trước thuế	17.1	16.4	4.0%	21.5	21.8	-1.1%
Lợi nhuận sau thuế	**14.7**	**13.1**	**11.8%**	**18.2**	**17.4**	**4.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**14.7**	**13.1**	**11.8%**	**18.2**	**17.4**	**4.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-125	25.0	-18.5	128	57.0	-3.50
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.95	-21.3	0.02	-16.2	-0.44	-32.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	13.9	-13.9	-0.70	-1.00
Tiền đầu kỳ	178	50.9	54.9	54.2	150	204
Lưu chuyển tiền thuần	**-126**	**3.70**	**-4.55**	**97.9**	**55.8**	**-36.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.74	0.32	3.79	-1.81	-1.64	6.74
Tiền cuối kỳ	50.9	54.9	54.2	150	204	174

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,169**	**1,004**	**16.5%**
Tài sản ngắn hạn	908	711	27.8%
Tiền và tương đương tiền	174	150	16.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.40	6.40	0.0%
Phải thu ngắn hạn	472	378	25.1%
Hàng tồn kho	232	166	40.2%
Tài sản ngắn hạn khác	23.2	10.9	113%
Tài sản dài hạn	**261**	**293**	**-11.0%**
Phải thu dài hạn	13.5	13.5	0.0%
Tài sản cố định	147	158	-7.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	55.1	88.4	-37.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.0	0	
Tài sản dài hạn khác	**35.1**	**33.5**	**4.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	975	828	17.7%
Nợ ngắn hạn	**595**	**446**	**33.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.00	3.70	8.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	367	241	52.5%
Nợ dài hạn	381	383	-0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	21.5	23.5	-8.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**194**	**176**	**10.4%**
Vốn chủ sở hữu	**194**	**176**	**10.4%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)